

Số: 167/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục tên các thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc thực hiện ngay các giải pháp nâng cao chất lượng cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 94./TTr-STP ngày 15 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục tên các thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Nội dung chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tư pháp- Cục kiểm soát TTHC;
- Cục Công tác phía Nam-BTP;
- TTr.Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo-tin học;
- Lưu: VT- PCNC

NC4

KT CHỦ TỊCH ✓
BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU


Nguyễn Thanh Tịnh

PHỤ LỤC

Danh mục tên các thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

1. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
1	Công bố hạn chế giao thông trên đường thủy nội địa địa phương đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
2	Chấp thuận xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
3	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	

2. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú Số hồ sơ TTHC
-----	------------------------	------------------------------------	---------------------------------------	-----------------------------

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú Số hồ sơ TTTC
I. Lĩnh vực Vệ sinh an toàn thực phẩm				
1	Thủ tục cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	T-VTB-252632-TT
II. Lĩnh vực Khám chữa bệnh				
1	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	60 ngày	55 ngày	T-VTB-244159-TT
2	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (<i>Trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng</i>) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244242-TT
3	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244250-TT
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244254-TT
5	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244260-TT
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244349-TT
7	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244355-TT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú Số hồ sơ TTHC
	của Sở Y tế.			
8	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244365-TT
9	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244369-TT
10	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244372-TT
11	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244401-TT
12	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244409-TT
13	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244414-TT
14	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244418-TT
15	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244431-TT
16	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	90 ngày	85 ngày	T-VTB-244434-TT
17	Điều chỉnh giấy phép hoạt	90 ngày	85 ngày	T-VTB-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú Số hồ sơ TTHC
	động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn (Áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế và bệnh viện tư nhân, bệnh viện trực thuộc các bộ, ngành khác đã được Bộ trưởng bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động)			244472-TT

III. Lĩnh vực Dược – Mỹ phẩm

1	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký Hội thảo giới thiệu thuốc	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	T-VTB-243390-TT
2	Cấp thẻ cho người giới thiệu thuốc	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	T-VTB-243399-TT
3	Tiếp nhận và xem xét hồ sơ kê khai lại giá thuốc sản xuất tại Việt Nam	17 ngày làm việc	15 ngày làm việc	T-VTB-243405-TT
4	Duyệt dự trữ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất dùng để làm thuốc	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	T-VTB-243410-TT
5	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu thuốc theo đường phi mậu dịch	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	T-VTB-015787-TT

3. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo	Thời gian giải quyết sau khi	Ghi chú
-----	------------------------	---------------------------	------------------------------	---------

		quy định (ngày)	cắt giảm (ngày)	
1	Cấp Giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	20	18	
2	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh	20	18	
3	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	10	7	
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai.	10	9	
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	20	18	
6	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	20	18	
7	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20	18	
8	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15	14	
9	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15	14	
10	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	15	14	
11	Thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15	14	
12	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	15	14	
13	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm	15	14	

	thuốc lá.			
14	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	15	14	
15	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.	10	9	
16	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	10	9	
17	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	15	14	
18	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.	10	9	
19	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	10	9	

4. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
1	Kê khai bổ sung thông tin chuyên giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản (từ giai đoạn “chuẩn bị đầu tư” sang giai đoạn “thực hiện dự án”) đã đăng ký mã số sử dụng Ngân sách (huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn).	05 ngày	04 ngày	
2	Kê khai bổ sung thông tin chuyên giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản (từ giai đoạn “chuẩn bị đầu tư” sang giai đoạn “thực hiện dự án”) đã	05 ngày	04 ngày	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	đăng ký mã số sử dụng NS tỉnh.			
3	Thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	30 ngày	25 ngày	
4	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	10 ngày	08 ngày	
5	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh.	30 ngày	25 ngày	
6	Giải quyết Khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	45 ngày	40 ngày	
7	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	60 ngày	55 ngày	
8	Cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thù lợi phí thuộc thẩm quyền UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	03 ngày	02 ngày	
9	Cấp phát mã số quan hệ ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán (Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách thuộc cấp ngân sách tỉnh).	05 ngày	03 ngày	
10	Cấp phát mã số quan hệ ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán (Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách thuộc cấp ngân sách huyện, thị xã, thành phố cấp ngân sách xã, phường, thị trấn).	05 ngày	03 ngày	
11	Trình tự xác định giá trị quyền	15 ngày	10 ngày	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.			

5. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc.	
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc.	
4	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
5	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	

7	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc.	
8	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	+ Đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Không quá 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ + Đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Thời gian giải quyết không quá 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	+ <i>Đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Không quá 11 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ</i> + <i>Đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Không quá 07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ</i>	
9	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
II. Lĩnh vực Thương mại quốc tế				
1	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc .	
2	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp	<i>Không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ</i>	

	<p>lệ:</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài do thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài từ một nước sang một nước khác hoặc thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài;</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài do Giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy.</p> <p>* Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương</p>	<p><i>hồ sơ hợp lệ:</i></p> <p>+ <i>Đối với trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài do thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài từ một nước sang một nước khác hoặc thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài;</i></p> <p>+ <i>Đối với trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài do Giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy.</i></p> <p><i>*</i></p> <p><i>Không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp</i></p>	
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

		nhân nước ngoài do thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện từ một tỉnh thành phố trực thuộc trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	<i>lệ đối với trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài do thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện từ một tỉnh thành phố trực thuộc trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.</i>	
3	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc.	
4	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc.	
III. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại				
1	Xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
2	Xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
3	Xác nhận đăng ký tổ chức hội	Khoản 1, 2	Khoản 1, 2	

<p>chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam</p>	<p>Điều 34 Nghị định 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trước ngày 01 tháng 10 của năm trước năm tổ chức: Thời gian xử lý trước ngày 01 tháng 11 của năm trước năm tổ chức.</p> <p>Khoản 2 Điều 35 Nghị định 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.</p> <p>+ Trường hợp đăng ký sau ngày 01 tháng 10 của năm trước năm tổ chức: thời gian giải quyết trong thời hạn 10 ngày.</p>	<p>Điều 34 Nghị định 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trước ngày 01 tháng 10 của năm trước năm tổ chức: Thời gian xử lý trước ngày 01 tháng 11 của năm trước năm tổ chức.</p> <p>Khoản 2 Điều 35 Nghị định 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.</p> <p>+ Trường hợp đăng ký sau ngày 01 tháng 10 của năm trước năm tổ chức: thời gian giải quyết trong thời hạn 07 ngày.</p>	
-----------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

4	Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	10 ngày làm việc.	07 ngày làm việc	
IV. Lĩnh vực quản lý cạnh tranh				
1	Thông báo chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu/ điều kiện giao dịch chung	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc.	
V. Lưu thông hàng hóa trong nước				
1	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
3	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
4	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
6	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc	21 ngày làm việc	
7	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	

9	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
10	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc.	11 ngày làm việc	
11	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	11 ngày làm việc	
12	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	11 ngày làm việc	
13	Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	11 ngày làm việc	
14	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	+ Đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Không quá 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ + Đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc	+ Đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Không quá 11 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ + Đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách,	

		bị cháy: Không quá 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	<i>nát hoặc bị cháy: Không quá 07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ</i>	
15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
VI. Lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	10 ngày làm việc.	07 ngày làm việc	
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm cấp LPG	07 ngày làm việc.	05 ngày làm việc.	
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào ô tô	07 ngày làm việc.	05 ngày làm việc	
VII. Lĩnh vực giám định thương mại				
1	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
2	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
VIII. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại tố cáo				
1	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	10 ngày.	07 ngày.	
2	Xử lý đơn	Đối với đơn khiếu nại thời gian giải quyết là 10 ngày.	Đối với đơn khiếu nại: 07 ngày. Đối với đơn	

		<p>Đối với đơn khiến nghị, phản ánh thời gian giải quyết là: 10 ngày.</p> <p>Đối với đơn tố cáo thuộc thẩm quyền thời gian giải quyết là : 10 ngày.</p> <p>Đối với đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền thời gian giải quyết là : 05 ngày.</p>	<p><i>khiến nghị, phản ánh: 07 ngày.</i></p> <p><i>Đối với đơn tố cáo thuộc thẩm quyền: 07 ngày.</i></p> <p><i>Đối với đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền: 03 ngày.</i></p>
3	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	<p>Theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại thời gian giải quyết là: không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá</p>	<p><i>Không quá 20 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì</i></p>

		45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	<i>thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 40 ngày, kể từ ngày thụ lý.</i>
4	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại thời gian giải quyết là: không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì	<i>Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 40 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 40 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn,</i>

		thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.	<i>nhưng không quá 50 ngày, kể từ ngày thụ lý.</i>	
--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------	--

IX. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng

1	Giải quyết tố cáo	Theo quy định tại khoản 1 điều 21 Luật Tố cáo thời gian giải quyết là: 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo.	<i>40 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo.</i>	
---	-------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

X. Lĩnh vực công nghiệp nặng

1	Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn nhóm B, C	15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C	10 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 07 ngày làm việc đối với dự án nhóm C.	
---	------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------	--

XI. Lĩnh vực Hóa chất

1	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
---	------------------------------------------------------	-------------------	------------------	--

	hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp			
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
4	Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
7	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy	20 ngày làm	14 ngày làm	

	chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	việc.	việc	
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
10	Xác nhận khai báo hóa chất sản xuất	05 ngày làm việc.	03 ngày làm việc	
11	Xác nhận biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
12	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	60 ngày làm việc.	40 ngày làm việc	
13	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	20 ngày làm việc.	14 ngày làm việc	
XII. Lĩnh vực Khoa học công nghệ				
1	Thông báo xác nhận công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	05 ngày làm việc.	03 ngày làm việc.	
XIII. Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp				
1	Cấp Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền Sở Công Thương	07 ngày làm việc.	05 ngày làm việc	
2	Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công	07 ngày làm việc.	05 ngày làm việc	

	Thương			
3	Cấp lại Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	07 ngày làm việc.	05 ngày làm việc	
XIV. Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	15 ngày làm việc.	10 ngày làm việc.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	a) Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 15 ngày làm việc.	10 ngày làm việc	
		b) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 10 ngày làm việc.	7 ngày làm việc	
		c) Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn	7 ngày làm việc	

		bộ mặt hàng kinh doanh: 10 ngày làm việc.		
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	15 ngày làm việc.	10 ngày làm việc	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	a) Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 15 ngày làm việc.	10 ngày làm việc.	
		b) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 10 ngày làm việc.	07 ngày làm việc.	
		c) Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất: 10 ngày làm việc.	07 ngày làm việc.	

5	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	13 ngày làm việc.	10 ngày làm việc	
6	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương	15 ngày làm việc.	11 ngày làm việc	
7	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	05 ngày làm việc.	03 ngày làm việc	

6. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban dân tộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
1	Quy định chế độ trợ cấp cho sinh viên là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	01/7 hàng năm	01/6 hàng năm	

7. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
1	Thủ tục Xuất cảnh	08 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

8. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
1	Xử lý đơn	Thời gian xử lý đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền là 10 ngày	Thời gian xử lý đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền là 07 ngày	
2	Giải quyết khiếu nại lần đầu	Thời hạn kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền đến khi ra thông báo thụ lý giải quyết hoặc không giải quyết là 10 ngày	Thời hạn kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền đến khi ra thông báo thụ lý giải quyết hoặc không giải quyết là 07 ngày	
3	Giải quyết tố cáo	Thời hạn kể từ ngày nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền đến khi ra thông báo thụ lý giải quyết hoặc không giải quyết là 10 ngày	Thời hạn kể từ ngày nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền đến khi ra thông báo thụ lý giải quyết hoặc không giải quyết là 07 ngày	

9. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
01	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	15 ngày	7 ngày	
02	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	15 ngày	7 ngày	
03	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	10 ngày	5 ngày	
04	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	10 ngày	5 ngày	
05	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	10 ngày	5 ngày	
06	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh.	15 ngày	7 ngày	
07	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm.	10 ngày	5 ngày	
08	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	15 ngày	7 ngày	
09	Cấp giấy phép bưu chính	30 ngày	21 ngày	
10	Cấp phép hoạt động in	10 ngày	5 ngày	
11	Cấp lại giấy phép hoạt động in	10 ngày	5 ngày	
12	Xác nhận lại cơ sở in xuất bản phẩm	10 ngày	5 ngày	
13	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	15 ngày	10 ngày	

10. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
-----	------------------------	------------------------------------	---------------------------------------	---------

I. Lĩnh vực Đất đai

1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	30	25	
2	Đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ	02	1,5	
3	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	05	4,5	
4	đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30	25	
5	đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	15	12	
6	cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	30	25	
7	đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	20	15	
8	thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử	15	12	

	dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện			
9	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	30	25	
II. Lĩnh vực môi trường				
10	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	30	29	
11	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	10	09	
12	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo phục hồi môi trường, Phương án cải tạo phụ chồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản	40	39	
13	Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	50	49	
III. Lĩnh vực Biển và Hải đảo				
14	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	43	31	
15	Trả lại khu vực biển	43	31	

16	Thu hồi khu vực biển	39	28	
IV. Lĩnh vực Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn				
17	Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	28	27	
18	Gia hạn giấy phép hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	18	17	
19	Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	18	17	
20	Cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	8	7	
21	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	11	10	
V. Lĩnh vực Địa chất Khoáng sản				
22	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	45	44	
23	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	45	44	
24	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	30	29	
25	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	15	14	
26	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	45	44	

11. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
1	Công nhận trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia	30 ngày	28,5 ngày	
2	Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	40 ngày	28,5 ngày	
3	Công nhận trường THCS đạt chuẩn Quốc gia	30 ngày	28,5 ngày	
5	Công nhận trường THPT đạt chuẩn Quốc gia	30 ngày	28,5 ngày	
5	Cấp giấy phép dạy thêm học thêm	40 ngày	25 ngày	
6	Đăng ký, cấp phép tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và các chuyên đề bồi dưỡng, cập nhật kiến thức khác...theo chương trình giáo dục Thường xuyên.	20 ngày	14 ngày	
7	Quy trình tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông- Đối với sở Giáo dục và Đào tạo.	82 ngày	45 ngày	
8	Giải quyết khiếu nại lần đầu cấp Tỉnh.	BT: 30 ngày PT: 60 ngày	BT: 30 ngày PT: 45 ngày	
9	Giải quyết khiếu nại lần hai cấp Tỉnh.	BT: 30 ngày PT: 60 ngày	BT: 30 ngày PT: 45 ngày	
10	Giải quyết tố cáo cấp Tỉnh.	BT: 60 - 90 ngày PT: 90 - 150	BT: 60 ngày PT: 90 ngày	

		ngày	
--	--	------	--

12. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I	Lĩnh vực Văn hoá (14 thủ tục)			
01	Cấp giấy phép phổ biến phim	15	14	
02	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam	07	06	
03	Cấp giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài tham dự triển lãm	07	06	
04	Cấp giấy phép tổ chức lễ hội	10	09	
05	Giám định văn hoá phẩm xuất khẩu đối với cá nhân, tổ chức tại địa phương	10	09	
06	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	10	09	
07	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện không mang danh nghĩa cho quốc gia Việt Nam	07	06	
08	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại địa phương không thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	07	06	
09	Thủ tục thẩm định dự toán phần mỹ thuật (từ nguồn vốn	07	06	

	ngân sách nhà nước) đối với dự toán kinh phí phần mỹ thuật dưới ba trăm triệu đồng			
10	Thủ tục cấp phép thể hiện phần mỹ thuật tượng đài hoành tráng cấp địa phương (trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) khi Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương uỷ quyền cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp phép	10	09	
11	Thủ tục cấp phép thể hiện phần mỹ thuật tượng đài hoành tráng cấp địa phương (trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	10	09	
12	Xếp hạng di tích cấp tỉnh	30	28	
13	Cấp chứng chỉ hành nghề đối với chủ cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30	28	
14	Xếp hạng bảo tàng hạng III đối với bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng ngoài công lập	30	28	
II	Lĩnh vực thể dục thể thao (07 thủ tục)			
01	Quyết định công nhận Ban vận động thành lập Hiệp hội thể thao tại địa phương	30	28	
02	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao	07	06	
03	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao Thể dục thể hình	07	06	

04	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí	07	06	
05	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn	07	06	
06	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ	07	06	
07	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao	07	06	
III	Lĩnh vực du lịch (08 thủ tục)			
01	Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam	10	09	
02	Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch	15	13	
03	Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch	15	13	
04	Cấp lại biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch	15	13	

05	Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch	30	27	
06	Thẩm định lại, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch	30	27	
07	Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch, hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác	30	27	
08	Thẩm định lại, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch, hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác	30	27	
IV	Lĩnh vực Gia đình (03 thủ tục)			
01	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	10	09	
02	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	15	14	
03	Đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	20	18	
TC	32 thủ tục hành chính			

13. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
1	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8 và 10 Điều 1 Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004.	25-15	24-14	
2	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.	30	29	
3	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.	15	14	
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong chế biến nông sản	3,5	3,5	
5	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn	05	3,5	
6	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản	05	3,5	
7	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực	10	08	

	vật			
8	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất rau, quả (đối với trường hợp giấy chứng nhận hết hiệu lực)	15	14	
9	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	13	10	
10	Kiểm dịch động vật tham gia hội chợ triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao (động vật vận chuyển trong nước)	03	01	
11	Kiểm dịch sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm (sản phẩm động vật vận chuyển trong nước)	03	01	
12	Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cửa hàng, đại lý	45	30	
13	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cửa hàng, đại lý	45	30	
14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản (lần đầu hoặc thay đổi địa điểm kinh doanh)	20	15	
15	Chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	08	07	
16	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	03	02	

17	Đăng ký bổ sung loài nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	05	04	
18	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	20	18	
19	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường không vì mục đích thương mại	13	11	
20	Quy trình kiểm tra chất lượng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)	3	2	
21	Đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyên nhượng quyền sở hữu	3	2	
22	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	3	2	
23	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	5	3	
24	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	10	7	
25	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thông báo thụ lý là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn; - Thời hạn giải quyết không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu vùng xa vùng đi lại khó khăn thì thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thông báo thụ lý là 07 ngày kể từ ngày nhận được đơn; - Thời gian giải quyết giữ nguyên như quy định. 	

		ngày, kể từ ngày thụ lý		
26	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thông báo thụ lý là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn; - Thời hạn giải quyết không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu vùng xa vùng đi lại khó khăn thì thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thông báo thụ lý là 07 ngày kể từ ngày nhận được đơn; - Thời gian giải quyết giữ nguyên như quy định. 	
27	Giải quyết tố cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn, phải kiểm tra xác minh họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết; - Thời gian giải quyết tố cáo là 60 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đơn, phải kiểm tra xác minh họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết; - Thời hạn giải quyết giữ nguyên như quy định 	

14. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
1	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	15 ngày	10 ngày	(Thời gian quy định này lấy theo thời gian quy định tại thủ tục hành chính đã công bố, trường hợp khi thực hiện Luật Xây dựng mới, nếu thời gian giải quyết theo quy định có thay đổi thì thời gian cắt giảm là 30% so với thời gian quy định mới)
2	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	20 ngày	14 ngày	
3	Cấp giấy phép xây dựng mới	20 ngày	14 ngày	

	đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh			
4	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình quảng cáo	20 ngày	14 ngày	
5	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến	20 ngày	14 ngày	
6	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến	20 ngày	14 ngày	
7	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	20 ngày (đối với công trình) 15 ngày (nhà ở riêng lẻ)	14 ngày (đối với công trình) 10 ngày (nhà ở riêng lẻ)	
8	Cấp lại giấy phép xây dựng	10 ngày	6 ngày	
9	Gia hạn giấy phép xây dựng	10 ngày	6 ngày	
10	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	20 ngày (đối với công trình) 15 ngày (nhà ở riêng lẻ)	14 ngày (đối với công trình) 10 ngày (nhà ở riêng lẻ)	
11	Bỏ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	20 ngày (bao gồm thời gian thực hiện của Sở Xây dựng và thời gian trình UBND tỉnh ký)	14 ngày (trong đó Sở Xây dựng thực hiện 10 ngày, UBND tỉnh ký 04 ngày)	
12	Đăng ký, công bố thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	30 ngày (bao gồm thời gian thực hiện của Sở Xây dựng và thời gian trình UBND tỉnh duyệt đưa lên trang thông tin điện tử)	15 ngày (trong đó Sở Xây dựng thực hiện 10 ngày, UBND tỉnh duyệt đưa lên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh 05 ngày)	

13	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	10 ngày (bao gồm thời gian thực hiện của Sở Xây dựng và thời gian trình UBND tỉnh duyệt đưa lên trang thông tin điện tử)	6 ngày (trong đó Sở Xây dựng thực hiện 03 ngày, UBND tỉnh duyệt đưa lên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh 03 ngày)	
14	Cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm B, C	15 ngày	10 ngày	
15	Cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài là cá nhân thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng	15 ngày	10 ngày	
16	Điều chỉnh giấy phép cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm B,C và nhà thầu nước ngoài là cá nhân thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng	15 ngày	10 ngày	
17	Cấp giấy phép di dời công trình	20 ngày	14 ngày	
18	Cấp giấy phép quy hoạch xây dựng dự án đầu tư xây dựng	45 ngày (trong đó Sở Xây dựng 30 ngày, UBND tỉnh 15 ngày)	30 ngày(trong đó Sở Xây dựng 20 ngày, UBND tỉnh 10 ngày)	
19	Cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng	15 ngày	10 ngày	
20	Cấp chứng chỉ Quy hoạch xây dựng	15 ngày	10 ngày	
21	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô	30 ngày (dự án không lấy ý kiến thông nhất của Bộ Xây	20 ngày (dự án không lấy ý kiến thông nhất của Bộ Xây	

	thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tin	dựng) 45 ngày (dự án lấy ý kiến thông nhất của Bộ Xây dựng)	dựng, trong đó Sở Xây dựng 15 ngày, UBND tỉnh 05 ngày) 35 ngày (dự án lấy ý kiến thông nhất của Bộ Xây dựng, trong đó Sở Xây dựng 15 ngày, UBND tỉnh 05 ngày, Bộ Xây dựng 15 ngày)	
22	Lấy ý kiến của các sở: Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	15 ngày	10 ngày	
23	Tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	07 ngày	04 ngày	
24	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	10 ngày	07 ngày	
25	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Trường hợp thường: 60 ngày; -Trường hợp phức tạp 90 ngày -Trường hợp gia hạn thường: 30 ngày; -Trường hợp gia hạn phức tạp: 60 ngày	Trường hợp thường: 45 ngày; -Trường hợp phức tạp 60 ngày -Trường hợp gia hạn thường: 20 ngày; -Trường hợp gia hạn phức tạp: 45 ngày	

15. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
1	Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế	15	12	
2	Thẩm định dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư	25	22	
3	Thẩm định dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư	25	23	
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	15	12	
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	15	12	

16. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HỘI, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ			
1	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh	30	28	
2	Cho phép thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện	30	28	

3	Phê duyệt Điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện	30	28	
4	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện	30	28	
5	Cho phép đổi tên Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện	30	28	
II	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG			
1	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh	15	14	
2	Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	15	14	

17. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Bổ trợ tư pháp				
01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	05 ngày	04 ngày	
02	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	45 ngày	40 ngày	
03	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	17 ngày	15 ngày	
04	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	07 ngày	05 ngày	
05	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	07 ngày	05 ngày	

06	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	07 ngày	05 ngày	
07	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	07 ngày	05 ngày	
08	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày	05 ngày	
09	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh trung tâm tư vấn pháp luật	07 ngày	05 ngày	
10	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	07 ngày	05 ngày	
11	Hợp nhất công ty luật	10 ngày	09 ngày	
12	Sáp nhập công ty luật	10 ngày	09 ngày	
13	Ký kết hợp đồng lao động thuê luật sư nước ngoài làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày	06 ngày	
14	Chấm dứt hợp đồng lao động thuê luật sư nước ngoài làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày	06 ngày	
15	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày	06 ngày	
16	Tạm ngừng hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	30 ngày	25 ngày	
17	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày	06 ngày	
18	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	10 ngày	08 ngày	
19	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày	06 ngày	
20	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh	07 ngày	06 ngày	

	ngành quản lý, thanh lý tài sản			
21	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề Quản tài viên	03 ngày	02 ngày	
22	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	03 ngày	02 ngày	
23	Cấp giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh công ty luật nước ngoài	10 ngày	09 ngày	
24	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày	06 ngày	
25	Thay đổi danh sách công chứng viên là thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng do hai công chứng viên trở lên thành lập	07 ngày	06 ngày	
26	Đăng ký danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng cho văn phòng công chứng	07 ngày	06 ngày	
27	Đề nghị Sở Tư pháp chỉ định nơi tập sự hành nghề công chứng	05 ngày	04 ngày	
28	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày	04 ngày	
29	Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư (tại Sở Tư pháp)	07 ngày	06 ngày	
30	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày	04 ngày	
31	Đăng ký hoạt động của chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	09 ngày	

32	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh, Công ty luật nước ngoài do bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	10 ngày	09 ngày	
33	Cấp Giấy đăng ký hoạt động do chuyển đổi từ Văn phòng luật sư thành Công ty luật trách nhiệm hữu hạn	07 ngày	06 ngày	
34	Cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư	10 ngày	09 ngày	
35	Cấp Giấy đăng ký hoạt động của Công ty luật hợp danh hoặc Công ty luật TNHH (Công ty luật TNHH một thành viên, Công ty luật TNHH hai thành viên trở lên)	10 ngày	09 ngày	
36	Cấp giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày	06 ngày	
37	Đăng ký danh sách đấu giá viên, thay đổi, bổ sung đấu giá viên của các tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp, chi nhánh của các tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp	05 ngày	04 ngày	
38	Thông báo thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	07 ngày	06 ngày	

II. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật

1	Thủ tục công nhận báo cáo	05 ngày	04 ngày	
---	---------------------------	---------	---------	--

	viên pháp luật.			
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.	05 ngày	04 ngày	
III. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý				
1	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày	06 ngày	
2	Thay đổi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày	06 ngày	
IV. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước				
1	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	65 ngày	60 ngày	
2	Thủ tục trả lại tài sản	05 ngày	03 ngày	
3	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	25 ngày	20 ngày	
4	Thông báo có quốc tịch nước ngoài	10 ngày	07 ngày	
5	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	05 ngày	03 ngày	
6	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam ở trong nước	05 ngày	03 ngày	
7	Thủ tục người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi	35 ngày	30 ngày	
8	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	05 ngày	03 ngày	
Tổng số thủ tục hành chính				50

18. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo	Thời gian giải quyết sau khi	Ghi chú
-----	------------------------	---------------------------	------------------------------	---------

		quy định (ngày)	cắt giảm (ngày)	
1	Cấp giấy phép cho người lao động nước ngoài	10	08	
2	Báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	15	12	
3	Báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	15	12	
4	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	10	08	
5	Đăng ký nội quy lao động doanh nghiệp	07	06	
6	Gửi thỏa ước lao động tập thể để cơ quan QLNN về lao động cấp tỉnh	15	13	
7	Xác nhận doanh nghiệp sử dụng lao động nữ	10	08	
8	Cấp GCN đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện ATLĐ, VSLĐ thuộc thẩm quyền của Sở LĐTB&XH	30	20	
9	Khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	07	06	
10	Thẩm định Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	30	27	
11	Thẩm định Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do bị mất, cháy, hư hỏng	30	27	
12	Thẩm định Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	30	27	

13	Thẩm định Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	15	14	
14	Thẩm định Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	15	14	
15	Thủ tục hưởng chế độ mai táng phí, trợ cấp 1 lần khi người có công với cách mạng từ trần	10	09	
16	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	10	09	
17	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	10	09	
18	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng LLVTND, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	10	09	
19	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	98	95	
20	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	98	95	

21	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	10	09	
22	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	10	09	
23	Thủ tục di chuyển hồ sơ người CCCM	25	22	
24	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	10	09	
25	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	10	09	
26	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp.	10	09	
27	Thủ tục đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với doanh nghiệp.	10	09	
28	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường	10	09	

	trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.			
29	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại Sở	30; 45	29; 44	45 ngày là trường hợp phức tạp
30	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại Sở	45; 60	44; 59	60 ngày là trường hợp phức tạp
31	Công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật được hưởng ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Lao động –Thương binh và Xã hội .	15	13	
32	Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật được hưởng ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội .	10	09	
33	Gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	33	31	

19. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
1	Đăng ký kết quả thực hiện	10 ngày	7 ngày	Từ lúc

	nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố và cấp cơ sở trong phạm vi địa phương			nhận đủ hồ sơ theo quy định
2	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X quang chẩn đoán trong y tế)	30 ngày	20 ngày	nt
3	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X quang chẩn đoán trong y tế)	30 ngày	20 ngày	nt
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).	15 ngày	12 ngày	nt
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).	15 ngày	12 ngày	nt
6	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn	05 ngày	04 ngày	nt
7	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy	05 ngày	04 ngày	nt
8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị rách, nát.	10 ngày	09 ngày	nt
9	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động	10 ngày	09 ngày	nt

	bị mất.			
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị rách, nát.	10 ngày	09 ngày	nt
11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị mất.	10 ngày	09 ngày	nt